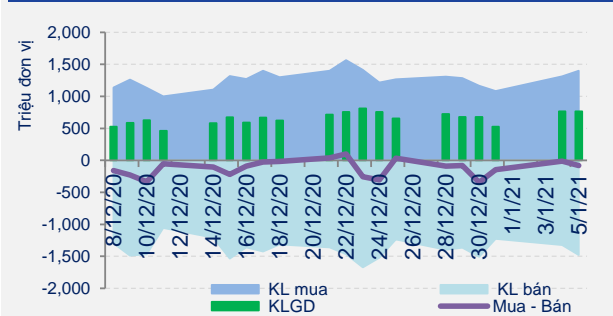
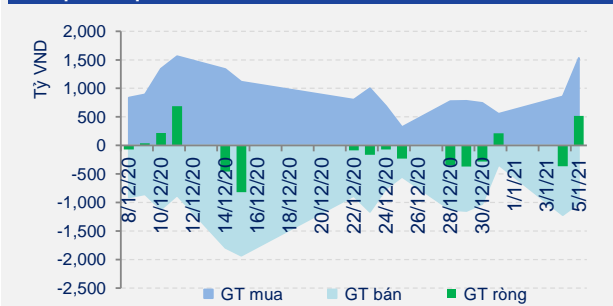


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 5/1/2021

| Thông kê thị trường | HOSE | HNX |
|---------------------|---------------|-------------|
| Index | 1,132.55 | 208.13 |
| % Thay đổi | ↑ 1.08% | ↑ 0.90% |
| KLGD (CP) | 763,427,860 | 168,620,123 |
| GTGD (tỷ đồng) | 16,216.03 | 2,419.29 |
| Tổng cung (CP) | 1,480,352,800 | 184,832,000 |
| Tổng cầu (CP) | 1,400,549,900 | 175,144,300 |

| Giao dịch NĐTNN | HOSE | HNX |
|-------------------|-----------|---------|
| KL bán (CP) | 3,558,093 | 773,853 |
| KL mua (CP) | 4,746,260 | 625,143 |
| GTmua (tỷ đồng) | 1,532.59 | 8.56 |
| GT bán (tỷ đồng) | 1,015.32 | 15.33 |
| GT ròng (tỷ đồng) | 517.27 | (6.78) |

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


| Ngành Cấp 1 | % thay đổi | P/E | P/B | %GTGD |
|---------------------|------------|------|-----|-------|
| Công nghệ Thông tin | ↑ 3.47% | 13.8 | 2.3 | 1.5% |
| Công nghiệp | ↑ 0.27% | 16.6 | 2.8 | 9.4% |
| Dầu khí | ↑ 0.27% | - | 2.0 | 2.5% |
| Dịch vụ Tiêu dùng | ↓ -0.18% | - | 4.5 | 4.6% |
| Dược phẩm và Y tế | ↑ 0.29% | 14.3 | 2.5 | 0.5% |
| Hàng Tiêu dùng | ↑ 1.02% | 18.1 | 4.8 | 9.8% |
| Ngân hàng | ↑ 0.84% | 11.3 | 2.4 | 29.2% |
| Nguyên vật liệu | ↑ 0.20% | 20.9 | 2.3 | 11.2% |
| Tài chính | ↑ 2.05% | 18.5 | 3.1 | 29.0% |
| Tiền ịch Cộng đồng | ↑ 0.90% | 15.5 | 2.5 | 2.3% |
| VN - Index | ↑ 1.08% | 18.1 | 3.0 | |
| HNX - Index | ↑ 0.90% | 15.1 | 3.2 | |

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tiếp tục tăng điểm mạnh trong phiên thứ hai nâng lô tối thiểu lên 100 cổ phiếu nhưng giao dịch về cuối phiên đã không còn trơn tru như phiên trước đó. Kết phiên, VN-Index tăng 12,08 điểm (+1,08%) lên 1.132,55 điểm; HNX-Index tăng 1,85 điểm (+0,9%) lên 208,13 điểm. Thanh khoản trên hai sàn tăng nhẹ so với phiên trước đó và cao hơn mức trung bình 20 phiên với giá trị giao dịch đạt 18.635 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch 932 triệu cổ phiếu, trong đó giao dịch thỏa thuận chiếm 2.216 tỷ đồng. Độ rộng thị trường là tích cực với 433 mã tăng, 117 mã tham chiếu, 263 mã giảm. Lực kéo của các mã Large Cap được duy trì tới cuối phiên đã giúp VN-Index có thêm một phiên đẩy tích cực. VHM với đà tăng gần 4% trong phiên trở thành mã kéo thị trường mạnh nhất. Hai cổ phiếu còn lại của họ Vingroup cũng diễn biến tích cực. Ngoài ra, đà tăng của VNM (+2,3%), GAS (+1,4%), FPT (+4,2%), VCB (+0,3%), MBB (+5%)... đều kéo mạnh chỉ số. Ở chiều ngược lại, BID (-0,7%) là mã có tác động tiêu cực nhất khi giảm nhẹ phiên hôm nay. Nhóm hàng không gồm VJC (-0,8%), HVN (-0,9%) cũng nằm trong top tác động tiêu cực khi giảm từ đầu phiên.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Phiên thứ hai nâng lô tối thiểu trên HOSE lên 100 cổ phiếu đã giúp cho giá trị khớp lệnh tiếp tục lập kỷ lục mới với 14.791 tỷ đồng mặc dù giao dịch đã không còn trơn tru khi về cuối phiên. VN-Index kết phiên trên ngưỡng 1.130 điểm (đỉnh tháng 2/2018) nên xét trên khía cạnh kỹ thuật, ngưỡng kháng cự đang chú ý tiếp theo của chỉ số là quanh ngưỡng 1.200 điểm (đỉnh tháng 4/2018). Nếu thị trường có thể tiếp tục tăng trong tuần này thì VN-Index sẽ đạt chuỗi 10 tuần tăng liên tiếp, kỷ lục mới trong giai đoạn từ 2010 đến nay với mức tăng trong cả quá trình vượt 20% giá trị vốn hóa. Điều này phần nào cũng cho thấy sức nóng của thị trường trong giai đoạn hiện tại. Tâm lý cứ mua là thắng đang tràn ngập, nhưng điều này cũng đẩy mức định giá của toàn thị trường lên cao nên nguy cơ điều chỉnh mạnh là có thể xảy ra. Trên thị trường phái sinh, mức basis dương được thu hẹp đáng kể chỉ còn 6-9 điểm cho thấy các nhà giao dịch nắm giữ vị thế long đang dần đóng vị thế của mình. Chúng tôi cho rằng, nhà đầu tư nên tiếp tục cơ cấu danh mục theo hướng bảo vệ thành quả đã đạt được trước đó và chờ đợi thị trường điều chỉnh về các vùng giá hấp dẫn hơn như quanh 1.080 điểm (MA20) và 1.020 điểm (MA50) để tham gia trở lại.

MARKET LENS

 Phiên giao dịch ngày: **5/1/2021**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giảm nhẹ vào đầu phiên giao dịch, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.116,49 điểm. Nhưng ngay sau đó, lực cầu gia tăng giúp chỉ số lấy lại sắc xanh và đà tăng mạnh dần về cuối phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 1.134,45 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 12,08 điểm (+1,08%) lên 1.132,55 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VHM tăng 3.600 đồng, VIC tăng 1.700 đồng, VRE tăng 1.650 đồng. Ở chiều ngược lại, BID giảm 350 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index giảm điểm vào đầu phiên sáng, với mức thấp nhất trong phiên tại 205,722 điểm. Từ khoảng 9h30 trở đi, lực cầu gia tăng giúp chỉ số lấy lại sắc xanh và đà tăng mạnh dần sau đó, với mức cao nhất trong phiên tại 213,01 điểm. Trong phiên chiều, áp lực chốt lời khiến mức tăng bị thu hẹp lại. Kết phiên, HNX-Index tăng 1,85 điểm (+0,9%) lên 208,13 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: SHB tăng 500 đồng, IDC tăng 2.000 đồng, NVB tăng 300 đồng. Ở chiều ngược lại, HHC giảm 10.300 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 517,27 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 1,2 triệu đơn vị. VRE mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 167,5 tỷ đồng tương ứng với 5,1 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VHM với 78,8 tỷ đồng tương ứng với 840 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VND là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 60,4 tỷ đồng tương ứng với 2 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 6,76 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 149 nghìn cổ phiếu. BVS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 3,8 tỷ đồng tương ứng với 173 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là VCS với 1,5 tỷ đồng tương ứng với 18 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, SZB là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 481 triệu đồng tương ứng với 14 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index tăng điểm trong phiên thứ ba liên tiếp với mức tăng mạnh và khối lượng khớp lệnh xấp xỉ so với phiên trước đó và tiếp tục cao hơn mức trung bình 20 phiên với 710 triệu cổ phiếu. Áp lực chốt lời chỉ gia tăng một chút vào đầu phiên rồi sau đó lực cầu gia tăng mạnh đã khiến chỉ số vượt qua được vùng kháng cự 1.120-1.130 điểm (đỉnh tháng 1,2/2018).

Với việc kết phiên ở trên ngưỡng 1.130 điểm (đỉnh tháng 2/2018) thì trên khía cạnh kỹ thuật, ngưỡng kháng cự cần chú ý tiếp theo sẽ là quanh ngưỡng 1.200 điểm (đỉnh tháng 4/2018).

Thị trường hiện tại đã tăng đến tuần thứ 10 liên tiếp và phần nào đó đã vượt qua được kỷ lục về mức tăng trước đó trong giai đoạn 2015-2020 là 9 tuần liên tiếp tăng 20% cho thấy tâm lý rất hưng phấn của nhà đầu tư với việc cứ mua là thắng, nhưng điều này cũng đẩy mức định giá của toàn thị trường lên cao nên nguy cơ điều chỉnh mạnh là có thể xảy ra.

Chúng tôi cho rằng, với tâm lý hiện tại thì rất khó có thể đoán được thời điểm thị trường sẽ bước vào nhịp điều chỉnh. Tuy nhiên, trong tình hình hiện tại, thì nhịp giảm sắp tới khi xảy ra sẽ là cơ hội để các nhà đầu tư tích lũy thêm cổ phiếu để đón sóng tiếp theo với target quanh ngưỡng 1.200 điểm (đỉnh tháng 4/2018) có thể diễn ra trong năm 2021. Các ngưỡng hỗ trợ cần lưu ý lần lượt 1.080 điểm (MA20) và 1.020 điểm (MA50).

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Giám đốc WB tại Việt Nam: Kỳ vọng Việt Nam tăng trưởng 6,8% năm 2021

Năm 2020, đại dịch COVID-19 đã xuất hiện ở hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, gây ra một cuộc khủng hoảng sâu rộng cả về y tế lẫn kinh tế toàn cầu. Giữa bối cảnh ấy, Việt Nam nổi lên như một hình mẫu trong công tác phòng, chống đại dịch cũng như giữ được mức tăng trưởng dương khi hầu hết các nền kinh tế khác đều tăng trưởng âm.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước tăng Tại thời điểm 15 giờ, Tập đoàn vàng bạc đá quý DOJI niêm yết giá vàng SJC ở mức 56,5 - 57,1 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra) tăng 300.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 100.000 đồng/lượng ở chiều bán ra.

Tỷ giá trung tâm giảm 10 đồng Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 5/1 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.121 VND/USD, giảm 10 đồng so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới tăng Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 2,7 USD/ounce tương ứng với 0,12% lên 1.949,5 USD/ounce.

Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,225 điểm tương ứng 0,25% xuống 89,618 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,2283 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3590 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 102,82 JPY.

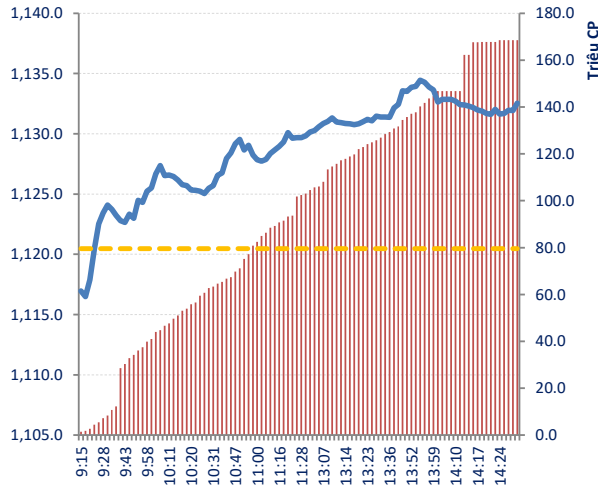
Giá dầu thế giới tăng Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,39 USD/thùng tương ứng với 0,82% lên mức 48 USD/thùng.

Chứng khoán Mỹ giảm điểm Kết thúc phiên giao dịch ngày 4/1, chỉ số Dow Jones giảm 382,59 điểm tương ứng 1,25% xuống 30.223,89 điểm; chỉ số Nasdaq giảm 189,84 điểm tương ứng 1,47% xuống 12.698,45 điểm; chỉ số S&P 500 giảm 55,42 điểm tương ứng 1,48% xuống 3.700,65 điểm.

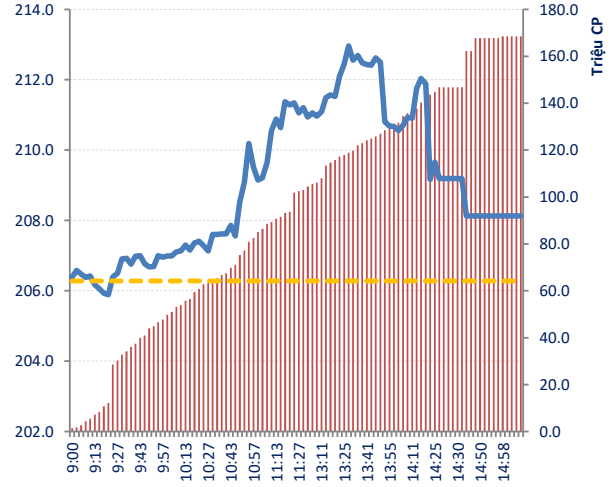


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

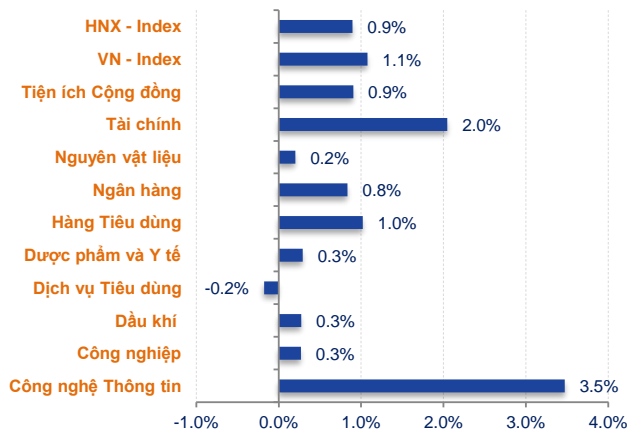
KLGD và VN-Index trong phiên



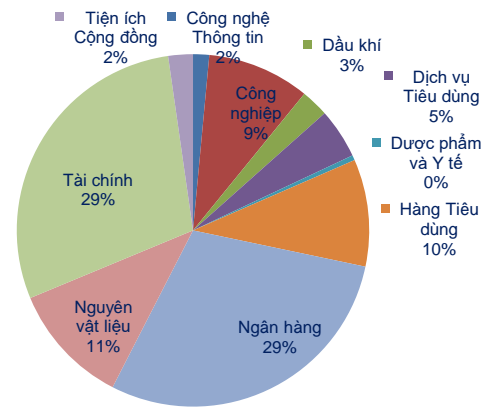
KLGD và HNX-Index trong phiên



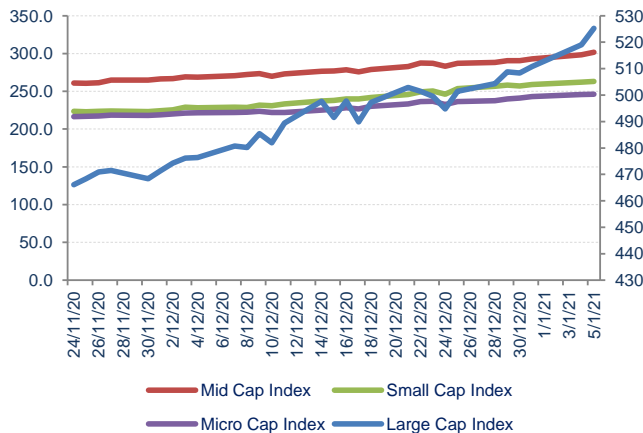
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



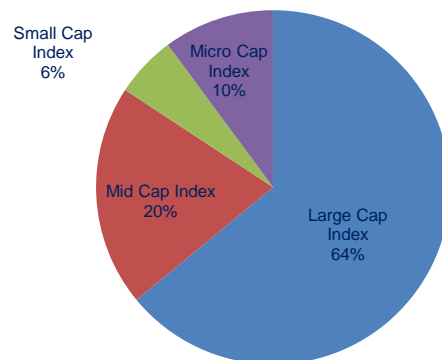
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|----------|-------------|-------|-------------|
| 1 | VHM | 915,700 | MBB | 3,469,800 |
| 2 | FUEVFVND | 873,700 | CTG | 2,149,000 |
| 3 | NVL | 335,100 | HPG | 1,494,100 |
| 4 | VPK | 293,500 | GVR | 1,227,700 |
| 5 | HBC | 245,800 | KBC | 1,161,700 |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | KLF | 198,600 | BVS | 173,300 |
| 2 | MBS | 21,900 | HUT | 87,200 |
| 3 | SHB | 21,500 | SHS | 51,900 |
| 4 | CMS | 15,000 | PPS | 34,300 |
| 5 | SZB | 14,000 | GLT | 27,900 |

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|---------|------------|
| MBB | 23.95 | 25.15 | ↑ 5.01% | 34,144,900 |
| ITA | 7.49 | 7.90 | ↑ 5.47% | 30,571,200 |
| TDH | 9.44 | 9.97 | ↑ 5.61% | 24,350,900 |
| LPB | 12.65 | 13.50 | ↑ 6.72% | 24,349,300 |
| STB | 17.55 | 17.70 | ↑ 0.85% | 23,399,500 |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| SHB | 17.20 | 17.70 | ↑ 2.91% | 47,962,461 |
| NVB | 10.90 | 11.20 | ↑ 2.75% | 19,741,550 |
| PVS | 18.80 | 18.70 | ↓ -0.53% | 10,004,808 |
| HUT | 4.40 | 4.30 | ↓ -2.27% | 9,280,038 |
| KLF | 2.30 | 2.30 | → 0.00% | 7,720,040 |

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|---------|
| LBM | 40.00 | 42.80 | 2.80 | ↑ 7.00% |
| SGT | 7.02 | 7.51 | 0.49 | ↑ 6.98% |
| AGR | 8.88 | 9.50 | 0.62 | ↑ 6.98% |
| VIB | 33.00 | 35.30 | 2.30 | ↑ 6.97% |
| ACC | 15.80 | 16.90 | 1.10 | ↑ 6.96% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|----------|
| KSQ | 2.00 | 2.20 | 0.20 | ↑ 10.00% |
| KTT | 4.00 | 4.40 | 0.40 | ↑ 10.00% |
| PBP | 8.00 | 8.80 | 0.80 | ↑ 10.00% |
| TSB | 8.00 | 8.80 | 0.80 | ↑ 10.00% |
| SDG | 59.10 | 65.00 | 5.90 | ↑ 9.98% |

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|----------|
| SFC | 24.00 | 22.40 | -1.60 | ↓ -6.67% |
| CIG | 1.95 | 1.82 | -0.13 | ↓ -6.67% |
| RIC | 5.30 | 4.95 | -0.35 | ↓ -6.60% |
| PTC | 8.40 | 7.90 | -0.50 | ↓ -5.95% |
| PXT | 1.74 | 1.65 | -0.09 | ↓ -5.17% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|--------|-----------|
| HHC | 103.00 | 92.70 | -10.30 | ↓ -10.00% |
| BTW | 30.20 | 27.20 | -3.00 | ↓ -9.93% |
| AMC | 19.70 | 17.80 | -1.90 | ↓ -9.64% |
| HCT | 13.50 | 12.20 | -1.30 | ↓ -9.63% |
| VNT | 79.20 | 72.10 | -7.10 | ↓ -8.96% |

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|---------|-------|------|-----|
| MBB | 34,144,900 | 18.4% | 2,994 | 8.4 | 1.4 |
| ITA | 30,571,200 | 3250.0% | 216 | 36.5 | 0.7 |
| TDH | 24,350,900 | 3.5% | 775 | 12.9 | 0.4 |
| LPB | 24,349,300 | 12.8% | 1,568 | 8.6 | 1.1 |
| STB | 23,399,500 | 8.6% | 1,318 | 13.4 | 1.1 |

Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|-------|-------|-------|-----|
| SHB | 47,962,461 | 12.9% | 1,702 | 10.4 | 1.3 |
| NVB | 19,741,550 | 1.1% | 111 | 100.6 | 1.1 |
| PVS | 10,004,808 | 5.1% | 1,373 | 13.6 | 0.7 |
| HUT | 9,280,038 | -1.7% | (205) | - | 0.4 |
| KLF | 7,720,040 | -0.1% | (14) | - | 0.2 |

Top Đột biến giá HOSE

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|-------|-------|------|-----|
| LBM | ↑ 7.0% | 18.6% | 6,692 | 6.4 | 1.1 |
| SGT | ↑ 7.0% | -0.1% | (16) | - | 0.6 |
| AGR | ↑ 7.0% | 5.2% | 484 | 19.6 | 1.0 |
| VIB | ↑ 7.0% | 27.9% | 3,744 | 9.4 | 2.4 |
| ACC | ↑ 7.0% | 19.8% | 4,121 | 4.1 | 1.1 |

Top Đột biến giá HNX

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| KSQ | ↑ 10.0% | -0.3% | (34) | - | 0.2 |
| KTT | ↑ 10.0% | 6.8% | 755 | 5.8 | 0.4 |
| PBP | ↑ 10.0% | 10.0% | 1,239 | 7.1 | 0.7 |
| TSB | ↑ 10.0% | 6.5% | 753 | 11.7 | 0.8 |
| SDG | ↑ 10.0% | 12.5% | 7,530 | 8.6 | 1.1 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-------|---------|-------|-------|------|-----|
| VHM | 915,700 | 30.6% | 6,762 | 14.1 | 4.0 |
| UEVFN | 873,700 | N/A | N/A | N/A | N/A |
| NVL | 335,100 | 21.5% | 5,862 | 11.1 | 2.1 |
| VPB | 293,500 | 10.8% | 1,243 | 15.4 | 1.6 |
| HBC | 245,800 | 6.8% | 1,184 | 14.1 | 0.9 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| KLF | 198,600 | -0.1% | (14) | - | 0.2 |
| MBS | 21,900 | 12.2% | 1,494 | 11.6 | 1.4 |
| SHB | 21,500 | 12.9% | 1,702 | 10.4 | 1.3 |
| CMS | 15,000 | -1.9% | (262) | - | 0.2 |
| SZB | 14,000 | 20.1% | 3,560 | 9.6 | 1.9 |

Top Vốn hóa HOSE

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VIC | 371,053 | 7.0% | 2,509 | 43.7 | 3.0 |
| VCB | 368,292 | 19.4% | 4,631 | 21.4 | 3.9 |
| VHM | 314,478 | 30.6% | 6,762 | 14.1 | 4.0 |
| VNM | 231,533 | 35.3% | 5,320 | 20.8 | 7.3 |
| BID | 192,655 | 10.7% | 2,133 | 22.5 | 2.4 |

Top Vốn hóa HNX

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|------|
| THD | 40,600 | 13.5% | 243 | 477.7 | 11.2 |
| SHB | 31,069 | 12.9% | 1,702 | 10.4 | 1.3 |
| VCS | 13,502 | 39.0% | 8,573 | 10.1 | 3.6 |
| IDC | 11,250 | 7.1% | 1,010 | 37.1 | 2.6 |
| DTK | 8,976 | 6.9% | 746 | 17.7 | 1.2 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|--------|------|--------|---------|------|-----|
| DRH | 3.80 | 8.3% | 1,127 | 10.4 | 0.8 |
| UEVN10 | 2.94 | N/A | N/A | N/A | N/A |
| TS4 | 2.85 | -48.5% | (6,461) | - | 0.4 |
| HII | 2.82 | 7.0% | 1,219 | 14.9 | 1.0 |
| SJF | 2.81 | -3.9% | (422) | - | 0.2 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|--------|---------|-------|------|
| THD | 3.84 | 13.5% | 243 | 477.7 | 11.2 |
| BII | 3.14 | -17.1% | (1,683) | - | 0.5 |
| LUT | 2.43 | 0.1% | 10 | 703.7 | 0.6 |
| HUT | 2.33 | -1.7% | (205) | - | 0.4 |
| SDG | 2.26 | 12.5% | 7,530 | 8.6 | 1.1 |



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
